

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH ĐỊNH

**TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH ĐỊNH LẦN THỨ XX**

(Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên)

Tháng 12/2020

LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại thành phố Quy Nhơn, với sự tham dự của 350 đại biểu chính thức đại diện cho trên 70.000 đảng viên của Đảng bộ tỉnh. Với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”, Đại hội XX Đảng bộ tỉnh đã tập trung thảo luận các báo cáo do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX trình và thống nhất thông qua Nghị quyết của Đại hội.

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội; thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức biên soạn tập **Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX** (dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên).

Nội dung tài liệu gồm:

- Khái quát về Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

- Đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Xin trân trọng giới thiệu đến các đồng chí và bạn đọc!

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY

KHÁI QUÁT VỀ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XX

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại thành phố Quy Nhơn.

Tham dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức đại diện cho trên 70.000 đảng viên của Đảng bộ tỉnh, trong đó: Có 51 đại biểu đương nhiên (14,57%); 299 đại biểu được bầu từ đại hội của 17 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (85,43%). Về cơ cấu: Có 49 đại biểu nữ (14%), 16 đại biểu là người dân tộc thiểu số (4,57%), 3 đại biểu là phó giáo sư (0,86%), 3 đại biểu là thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú (0,86%). Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Trung cấp có 1 đại biểu (0,29%), đại học có 234 đại biểu (66,86%), thạc sĩ và tương đương có 101 đại biểu (28,86%), tiến sĩ và tương đương có 13 đại biểu (3,71%). Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp có 19 đại biểu (5,43%), cao

cấp có 307 đại biểu (87,71%), cử nhân có 24 đại biểu (6,86%). Về độ tuổi: Từ 31 - 40 tuổi có 39 đại biểu (11,14%), từ 41 - 50 tuổi có 141 đại biểu (40,29%), từ 51 - 60 tuổi có 170 đại biểu (48,57%); lớn tuổi nhất có 5 đại biểu 60 tuổi (1,42%) và nhỏ tuổi nhất có 2 đại biểu 32 tuổi (0,57%).

Đồng chí Hoàng Trung Hải - Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư về dự và chỉ đạo Đại hội. Tham dự Đại hội còn có các đồng chí lãnh đạo, đại biểu các bộ, ban, ngành Trung ương; các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ; Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân...

Sau 3 ngày làm việc với tinh thần dân chủ, đoàn kết, nghiêm túc, trách nhiệm, Đại hội đã hoàn thành các nội dung chương trình đề ra:

- Đại hội đã thảo luận và tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá tình hình thực hiện Nghị

quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã nêu trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX trình Đại hội.

- Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX.

- Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến của tổ chức đảng các cấp đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

- Đại hội cơ bản thống nhất với dự thảo 7 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội, giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, hoàn thiện các chương trình hành động, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

- Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX gồm 54 đồng chí, trong đó: Có 39 đồng chí tái cử (72,22%); 15 đồng chí tham gia lần đầu (27,77%); 9 đồng chí cán bộ nữ (16,66%); 3 đồng chí cán bộ trẻ (5,55%); 1 đồng chí cán bộ người dân tộc thiểu số (1,85%); 100% đồng chí có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ đại học trở lên, trong đó có 2 tiến sĩ (3,70%), 38 thạc sĩ (70,37%); 100% đồng chí có trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân.

Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, trong đó: Có 11 đồng chí tái cử (đạt 84,6%), 2 đồng chí tham gia lần đầu (đạt 15,38%), 1 đồng chí cán bộ nữ (đạt 7,7%); bầu đồng chí Hồ Quốc Dũng - Phó Bí thư Tỉnh ủy khóa XIX, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; bầu đồng chí Lê Kim Toàn - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy khóa XIX, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Bình Định và đồng chí Nguyễn Phi Long - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 10 đồng chí, đồng chí Trần Văn Thọ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIX giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Đại hội đã bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng gồm 19 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX thành công tốt đẹp, đó là kết quả của quá trình chuẩn bị nghiêm túc của toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân, của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh; là kết quả làm việc với tinh thần đổi mới, dân chủ, đoàn kết và trách nhiệm cao của các đại biểu dự Đại hội. Thành công của Đại hội còn là kết quả của việc thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng. Thành

công của Đại hội là niềm phấn khởi, nguồn sức mạnh to lớn, cổ vũ toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐẠI HỘI XIX ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2015 - 2020

I - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; năng suất lao động được nâng lên

- Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) tăng bình quân hàng năm 6,4%, theo giá so sánh năm 2010, thấp hơn so với chỉ tiêu Nghị quyết (kế hoạch 8%), trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,04%; công nghiệp - xây dựng tăng 9,13%; dịch vụ tăng 6,16%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,96%, chỉ tiêu Nghị quyết lần lượt là 3,5% - 12,5% - 6,5% - 10% (công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng không đạt chỉ tiêu đề ra). GRDP bình quân đầu người đạt 2.524 USD, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết (kế hoạch 3.200 - 3.500 USD); thu ngân sách năm 2020 khoảng 11.985,9 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch đến năm 2020 là 11.000 tỷ đồng);

kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 4.146,2 triệu USD, đạt 92% so với chỉ tiêu Nghị quyết (kế hoạch 4.500 triệu USD).

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 27,63%; công nghiệp - xây dựng 28,58%; dịch vụ 39,25%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,54% (so với năm 2015: Nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 3,9%; công nghiệp - xây dựng tăng 3,7%; dịch vụ giảm 0,1%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,3%).^{(1), (2)} Năng suất lao động xã hội tăng bình quân hàng năm 6,5%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch tăng 6,06%/năm).

⁽¹⁾ Theo số liệu khi xây dựng Nghị quyết, cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2015: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 27,7%, công nghiệp - xây dựng 30,4%, dịch vụ 35,0%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,9%, do đó Nghị quyết đề ra chỉ tiêu đến năm 2020, cơ cấu tương ứng là 21% - 37% - 35,8% - 6,2% (tức chỉ tiêu Nghị quyết đưa ra: Nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 6,7%, công nghiệp - xây dựng tăng 6,6%, dịch vụ tăng 0,8% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 0,7%).

⁽²⁾ Theo số liệu công bố lại của Tổng cục Thống kê giai đoạn 2010 - 2018, cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2015: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 31,5%, công nghiệp - xây dựng 24,9%, dịch vụ 39,4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,2%, so với cơ cấu của năm 2020 tương ứng là 27,63% - 28,58% - 39,25% - 4,54% (tức nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm 3,9%, công nghiệp - xây dựng tăng 3,7% và dịch vụ giảm 0,1%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 0,3%, không đạt chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế đề ra).

1.1 - Sản xuất công nghiệp phát triển khá

- Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề giai đoạn 2016 - 2020; chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã quy hoạch 9 khu công nghiệp và 60 cụm công nghiệp, trong đó:

+ 9 khu công nghiệp, với tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 3.000 ha (bao gồm khu công nghiệp Nhơn Hội A, B, C). Ngoài 3 khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa (giai đoạn 1) đã đi vào hoạt động ở giai đoạn trước, trong giai đoạn 2016 - 2020 chưa hình thành khu công nghiệp mới hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng và đi vào hoạt động để thu hút doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất kinh doanh (Khu công nghiệp Nhơn Hòa (giai đoạn 2), Bình Nghi, Hòa Hội đang trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng; Khu công nghiệp Cát Trinh đã có Nhà đầu tư đăng ký đầu tư; Khu công nghiệp Long Mỹ (giai đoạn 2) đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch phát triển khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020; Khu công nghiệp

Becamex Bình Định đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư).

+ 60 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.847,7 ha (*điều chỉnh giảm 3 cụm công nghiệp và 133,4 ha*); trong đó, có 53 cụm công nghiệp đã quyết định thành lập với tổng diện tích 1.577 ha (*tăng 17 cụm công nghiệp và 473,1 ha so với năm 2015*), có 50 cụm công nghiệp đã phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 với tổng diện tích 1.468 ha (*tăng 13 cụm công nghiệp và 389 ha so với năm 2015*); 20 cụm công nghiệp đã phê duyệt dự án đầu tư hoặc chứng nhận đầu tư với tổng diện tích 530 ha (*tăng 3 dự án đầu tư so với năm 2015*).

Các cụm công nghiệp đi vào hoạt động đã thu hút được 336 cơ sở sản xuất đăng ký đầu tư, tổng số vốn đăng ký 8.038 tỷ đồng (*tăng 2.815,3 tỷ đồng so với năm 2015*), đã thực hiện 5.622 tỷ đồng (*đạt 69,9% tổng vốn đăng ký và tăng 1.014,8 tỷ đồng*). Đến nay có 310 cơ sở sản xuất đã hoạt động, giải quyết việc làm cho 19.256 lao động (*chiếm 30,3% lao động toàn ngành công nghiệp*) với mức lương bình quân từ 4 - 5 triệu đồng/người/tháng.

- Điều chỉnh, bổ sung các chính sách: Khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư và chính sách xây dựng kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước (Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã thu hút được 344 dự án đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký hơn 111.284 tỷ đồng và 307,6 triệu USD).

- Tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, sức cạnh tranh... Nhiều cụm công nghiệp, làng nghề ở các huyện, thị xã, thành phố đã đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả.

- Công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất công nghiệp, nhất là môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề được chú trọng. Tại các khu công nghiệp đã lắp đặt hệ thống tự động và truyền dữ liệu về sở Tài nguyên và Môi trường; đã hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại

các khu công nghiệp đang hoạt động trong Khu kinh tế Nhơn Hội; tuy nhiên, hệ thống thu gom, xử lý nước thải vẫn chưa hoàn thành. Hạ tầng bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp tuy được đầu tư nhưng chưa có nhiều chuyển biến, đến nay mới có 7 cụm công nghiệp đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải dùng chung (tăng 1 hệ thống xử lý nước thải tập trung so với đầu nhiệm kỳ) và vẫn còn 17 cụm công nghiệp (đều do Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư) chưa lập hồ sơ môi trường.

- Các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh như dệt may, bia, thuốc tân dược, chế biến gỗ, sản xuất và phân phối điện giữ vững tốc độ tăng trưởng; một số ngành công nghiệp mới như năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến công nghệ cao... từng bước hình thành và có chiều hướng phát triển tốt; một số dự án có quy mô công suất lớn được đầu tư và đưa vào hoạt động, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng của ngành như: Nhà máy thép Hoa Sen Nhơn Hội, Nhà máy điện mặt trời và điện gió Fujiwara, Nhà máy điện mặt trời Cát Hiệp, Nhà máy Phong điện Phương Mai 3,

Nhà máy điện mặt trời Mỹ Hiệp, Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1, 2, 3...

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 8,84%; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 7,92% (giá trị sản xuất công nghiệp qua các năm 2016 - 2020 tăng tương ứng: 7,84% - 9,3% - 9,76% - 9,48% - 7,84%; chỉ số sản xuất công nghiệp tương ứng đạt 7,32% - 8,8% - 8,71% - 8,35% - 6,45%).

- Đã chủ trương chấm dứt đầu tư xây dựng dự án Tổ hợp Lọc, hóa dầu tại Khu kinh tế Nhơn Hội; hoàn thành việc Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội đến năm 2040, trong đó bổ sung Khu Công nghiệp - Đô thị và Dịch vụ Becamex - Bình Định (2.308 ha) và hoàn thiện quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất các khu chức năng. Tập trung đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế. Công tác xúc tiến thu hút đầu tư vào Khu kinh tế được chú trọng, một số dự án công nghiệp đã và đang được triển khai

xây dựng đến nay, có 26 dự án hoạt động và hoạt động một phần trên tổng số 84 dự án đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tổng giá trị sản xuất trong Khu kinh tế tăng bình quân hàng năm 15%, chiếm khoảng 6,3% so với toàn tỉnh).

1.2 - Sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực

- Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động về phát triển nông nghiệp - nông thôn giai đoạn 2016 - 2020; chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” và các chính sách về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi bước đầu mang lại hiệu quả.

- Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ

Trong nhiệm kỳ, đã chuyển đổi cây trồng

cạn trên đất lúa kém hiệu quả khoảng 18.113 ha, mang lại lợi nhuận cao hơn so với sản xuất lúa trong cùng điều kiện như: Ngô tăng 4,39 triệu đồng/ha/vụ; lạc tăng trên 18,1 triệu đồng/ha/vụ; mè tăng trên 14,5 triệu đồng/ha/vụ; đậu xanh tăng trên 12,7 triệu đồng/ha/vụ. Đã triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi cây trồng trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành, tăng tỷ trọng phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ. Phát huy hiệu quả chuỗi tiêu thụ thịt lợn sạch với thành phố Đà Nẵng; trong đó, hàng năm Bình Định cung ứng hơn 50% thịt lợn hơi đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng thành phố Đà Nẵng và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ thịt lợn các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế... Riêng đàn bò lai, các thương lái trong tỉnh thu mua với giá cao để tiêu thụ thị trường tỉnh Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

- Năng suất cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản tăng khá. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất có nhiều tiến bộ, nhất là thực

hiện khảo nghiệm, chọn lọc, sử dụng giống mới đưa vào sản xuất... giá trị tăng thêm trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản 5 năm ước đạt 4,04% (giá trị tăng thêm nông, lâm nghiệp, thủy sản theo giá so sánh 2010 giai đoạn 2016 - 2020) tăng tương ứng: 4,56% - 3,34% - 6,04% - 3,53% - 2,77%. Sản lượng lương thực cây có hạt đạt: 688.318 tấn - 715.390 tấn - 715.337 tấn - 689.009 tấn - 678.900 tấn. Giá trị tăng thêm thủy sản tăng tương ứng: 4,38% - 6,47% - 5,68% - 6,51% - 1,99%. Giá trị tăng thêm lâm nghiệp tăng 7,63% - 3,59% - 5,22% - 5,77% - 4,64%).

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện; cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, được thực hiện ở hầu hết các khâu trước, trong và sau thu hoạch. Đến cuối năm 2019, hầu hết các khâu trong quy trình sản xuất cây trồng trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ áp dụng cơ giới khá cao so mặt bằng chung cả nước như khâu làm đất đạt 92%, khâu gieo trồng đạt 13%, khâu chăm sóc đạt 26%, khâu tưới đạt 92%, khâu thu hoạch đạt 80% so tổng diện tích

gieo trồng, góp phần tăng năng suất, hiệu quả sản xuất và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn.

- Ngành chăn nuôi mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tăng trưởng khá, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi bình quân hàng năm tăng 4,3% (năm 2016 tăng 6,3%; năm 2017 giảm 1,2%; năm 2018 tăng 11,1%; năm 2019 tăng 0,8%; năm 2020 tăng 5,1%), chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường; chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, “Gà Minh Du” trở thành thương hiệu gia cầm hàng đầu Việt Nam, được người chăn nuôi gia cầm trong và ngoài nước rất tín nhiệm.

- Công tác quản lý, bảo vệ, khoán khoanh nuôi tái sinh rừng, chăm sóc rừng trồng đạt kết quả khá tốt; tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch đến năm 2020 đạt trên 52%).

- Thủy sản tiếp tục phát triển, khẳng định là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản bình quân hàng năm

tăng 4,4%. Tổng sản lượng thủy sản bình quân hàng năm đạt 243.089 tấn; trong đó, sản lượng khai thác đạt 232.416 tấn, tăng hơn 19,2%; sản lượng nuôi trồng đạt 10.673 tấn, bằng 66,7% so với chỉ tiêu Nghị quyết.

+ Hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá tiếp tục được đầu tư hoàn thiện. Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 96 tàu hoạt động về dịch vụ hậu cần nghề cá, chong đèn dẫn dụ cá, cung ứng vật tư ngư lưới cụ, dầu, nước đá, thực phẩm, nước uống và thu mua sản phẩm. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 9 cơ sở đóng, sửa chữa tàu vỏ gỗ có thể đáp ứng cho tàu có công suất trên 400CV; các cơ sở dịch vụ phục vụ sinh hoạt cho các tàu cá được bố trí tại khu vực gần các cảng cá đáp ứng được cho nhu cầu của ngư dân.

+ Các chính sách hỗ trợ ngư dân được thực hiện đầy đủ, kịp thời, phục vụ ngày càng tốt hơn việc đánh bắt, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm. Từ năm 2016 đến tháng 5/2020, đã phê duyệt hỗ trợ 33.097 hồ sơ với tổng kinh phí 2.951, 415 tỷ đồng để hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản trên các

vùng biển xa theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; từ năm 2016 đến nay có 61 chủ tàu ký hợp đồng tín dụng mới (48 thép, 8 composite, 5 gỗ) và 1 hợp đồng nâng cấp tàu cá vỏ gỗ với các ngân hàng thương mại với tổng số tiền cho vay là 933,862 tỷ đồng.

Việc đánh bắt cá ngừ đại dương bằng công nghệ Nhật Bản đã đem lại hiệu quả cao cho bà con ngư dân; 100% tàu thuyền đánh bắt xa bờ đều được trang bị máy giám sát hành trình.

+ Đã xây dựng các vùng nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh, khu sản xuất nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao như khu nuôi tôm công nghệ cao tại Mỹ Thành (huyện Phù Mỹ) của Tập đoàn Việt Úc; Trung tâm cá Koi Việt - Nhật...

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 85/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 70,25%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch 61%); 13 xã đạt tiêu chí nông thôn

mới nâng cao (Cát Khánh, Cát Minh, Cát Nhơn, Cát Thành, Cát Tường (huyện Phù Cát); Mỹ Thọ, Mỹ Cát, Mỹ Châu (huyện Phù Mỹ); Tây Bình, Tây Vinh, Tây Phú (huyện Tây Sơn); Ân Mỹ, Ân Hảo Đông (huyện Hoài Ân), và 4 đơn vị cấp huyện, bao gồm: Huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn), thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; bình quân đạt 17,3 tiêu chí xây dựng nông thôn mới/ xã

- Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản tiếp tục được tăng cường; đã và đang thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân cấp quản lý đất đai, hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và lập kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối 2016 - 2020. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chú trọng.

1.3 - Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, tài chính đạt kết quả khá; xuất khẩu được đẩy mạnh; du lịch phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh

- Hạ tầng thương mại, dịch vụ tiếp tục được đầu tư xây dựng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân hàng năm tăng 10,8% (giai

đoạn 2016 - 2020 tăng tương ứng: 14,1% - 9,4% - 13,4% - 14,7% - 2,8% đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, kế hoạch đề ra 5 năm 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân bằng hoặc cao hơn tăng trưởng GRDP: 6,63% - 6,72% - 7,31% - 6,86% - 4,52%). Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm soát chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm gắn với kiểm tra việc bán hàng theo giá niêm yết được tiến hành thường xuyên; thực hiện có hiệu quả các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn; đảm bảo các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào miền núi. Hoạt động xúc tiến thương mại có nhiều tiến bộ.

- Hoạt động tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm cơ bản ổn định và có bước phát triển. Đến 31/12/2019, vốn huy động đạt 63.723 tỷ đồng, tăng 116,14% so với năm 2015 (bình quân 16,8%/năm); dư nợ cho vay đạt 77.657 tỷ đồng, tăng 101,62% so với năm 2015. Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế, hạn chế tín dụng đen; thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai và đạt kết quả tích cực. Trong lĩnh vực thanh toán đã ứng dụng tất cả công nghệ

mới trên thế giới (ATM, POS, Internet Banking, Mobile Banking, QR Code, Tokenization...). Cho vay theo các chương trình an sinh xã hội được chú trọng, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

- Vận chuyển hàng hóa và hành khách trên địa bàn tiếp tục phát triển, hàng hóa thông qua cảng biển vượt công suất thiết kế. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020: Vận chuyển hành khách tăng 2,3%, luân chuyển hành khách tăng 1,9%; khối lượng vận chuyển hàng hóa tăng 12,3%, khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 10,5%; hàng hóa thông qua cảng tăng 6,3%. Cảng hàng không Phù Cát đã hoàn tất thủ tục và thực hiện các chuyến bay quốc tế; hãng hàng không Bamboo Airways đăng ký thành lập tại Bình Định. Hoạt động xuất khẩu tiếp tục được đẩy mạnh, hàng hóa của tỉnh đã xuất khẩu sang 120 quốc gia và vùng lãnh thổ với kim ngạch xuất khẩu trực tiếp ước đạt 4.055,7 triệu USD, chiếm 97,8% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh. Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn như: Sản phẩm gỗ (ước đạt 1.308,2 triệu USD, tăng bình quân 4,8%/năm); gỗ các loại (ước đạt 797,9 triệu USD, tăng bình quân 9,2%/năm); sản phẩm may

mặc (ước đạt 719,4 triệu USD, tăng bình quân 15,8%/năm); hàng thủy sản (ước đạt 392,5 triệu USD, tăng bình quân 4,8%/năm).

- Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động về phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020. Việc đầu tư, phát triển du lịch được quan tâm, bước đầu đã hình thành một số sản phẩm du lịch đặc thù “Quy Nhơn - Thành phố du lịch sạch ASEAN 2020” ngày càng có sức hút và lan tỏa (Thành phố Quy Nhơn cùng với thành phố Huế, thành phố Vũng Tàu trở thành 3 đại diện của Việt Nam được vinh danh thành phố du lịch sạch ASEAN” tại diễn đàn du lịch Đông Nam Á 2020, tổ chức tại Brunei từ ngày 11 - 16/1/2020. Thành phố Quy Nhơn cùng với thành phố Huế và Vũng Tàu trở thành 3 đại diện của Việt Nam được vinh danh “Thành phố du lịch sạch ASEAN” tại diễn đàn Du lịch Đông Nam Á - 2020, tổ chức tại Brunei từ ngày 11 đến ngày 16/01/2020 ngày càng có sức thu hút và lan tỏa.

+ Khách du lịch đến tỉnh và doanh thu du lịch hàng năm tăng khá. Năm 2016 đạt 3,2 triệu lượt khách, doanh thu 1.497 tỷ đồng; năm 2019 đạt 4,8 triệu lượt khách, tăng 18% so với năm 2018; doanh

thu đạt 6.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, năm 2020 lượng khách du lịch suy giảm đáng kể do ảnh hưởng của dịch Covid-19, chỉ đạt 2,22 triệu lượt khách, tổng doanh thu đạt 2.370 tỷ đồng, giảm 56% so với cùng kỳ.

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được tập trung đầu tư, từng bước hoàn thiện; nhiều dự án du lịch đã hoàn thành và đi vào hoạt động, như: Dự án Quần thể resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý; Quần thể du lịch, lịch sử tâm linh chùa Linh Phong; Khu du lịch Kỳ Co; Khu dã ngoại Trung Lương và Crown Retreat Quy Nhơn Resort; Khu nghỉ dưỡng và biệt thự Aurora; Casa Marina Resort (Bãi Xép, Ghềnh Ráng)... Một số dự án có quy mô đầu tư lớn đang triển khai như: Giai đoạn 2 dự án quần thể resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp Nhơn Lý (The coastel Hill) quy mô 1.200 phòng tiêu chuẩn 5 sao; dự án Marina Quy Nhơn Beach khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp tiêu chuẩn 4 sao, quy mô 755 phòng; dự án khu du lịch cộng đồng Làng Sông; khu du lịch Hải Giang Merry Land,.. Đến tháng 6/2020, trên địa bàn tỉnh có 57 dự án đầu tư du lịch, trong đó có

14 dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành từng phần đi vào hoạt động và 43 dự án đang triển khai đầu tư.

+ Cơ sở lưu trú du lịch ngày càng được nâng cấp. Đến tháng 9/2020, toàn tỉnh có 324 khách sạn, với 8.034 phòng, tăng 5.404 phòng so với năm 2016. Trong đó có 1 khách sạn 5 sao, 7 khách sạn 4 sao, 6 khách sạn 3 sao, 30 khách sạn 2 sao, 240 khách sạn 1 sao và cơ sở lưu trú đạt chuẩn; có 55 đơn vị kinh doanh lữ hành du lịch, trong đó có 11 đơn vị lữ hành quốc tế và 44 đơn vị kinh doanh lữ hành nội địa.

+ Dịch vụ vận tải phục vụ khách du lịch được tăng cường: Tổng số xe hoạt động đạt 800 xe, tăng 80 xe so với cuối năm 2015; tuyến xe buýt 12 tuyến/73 xe; doanh nghiệp taxi 14 đơn vị/1050 xe, tăng 5 đơn vị/705 xe; phát triển mới 95 phương tiện thủy nội địa cao tốc phục vụ khách du lịch. Du lịch phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, đảm bảo nền tài chính địa phương an toàn, bền vững.

Kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trưởng khá, hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu được giao (Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ước thực hiện là 48.525 tỷ đồng, bình quân mỗi năm thu khoảng 9.705 tỷ đồng; tốc độ tăng thu bình quân 15,75%/năm và năm sau luôn tăng so với năm trước, cụ thể: Năm 2016 tăng 12,66%, 2017 tăng 16,67%, 2018 tăng 18,88%, 2019 tăng 49,23%, 2020 giảm 10,9%. Dự kiến thu ngân sách nhà nước năm 2020 khoảng 11.985,9 tỷ đồng, tăng 8,9% kế hoạch so Nghị quyết đề ra (kế hoạch thu năm 2020 là 11.000 tỷ đồng); tạo nguồn lực tăng khả năng cân đối ngân sách địa phương và tăng chi đầu tư phát triển: Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 là 13,84%, cụ thể: Năm 2016 tăng 46,1%, năm 2017 tăng 28,4%, năm 2018 giảm 10,3%, năm 2019 tăng 86,4%, năm 2020, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước thực hiện 38.836,7 tỷ đồng, tăng 9,6%; giá trị sản xuất xây dựng tăng 8,2% so với cùng kỳ. Chi ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

1.4 - Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh

- Đã tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh, tạo diện mạo mới cho đô thị và nông thôn trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; chú trọng giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến sản xuất và đời sống của người dân phải di dời trong các vùng dự án.

- Các công trình giao thông trọng điểm được tập trung đầu tư xây dựng; đã hoàn thành các dự án: Nâng cấp Quốc lộ 1D, nút giao thông Đồng Đa - Hoa Lư, Đường Quốc lộ 19 mới (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1), đường phía Tây tỉnh ĐT.638 (đoạn Canh Vinh - Quy Nhơn), dự án đường trục Khu kinh tế Nhơn Hội kéo dài đến Quốc lộ 1A; mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến sân bay Phù Cát); triển khai một số đoạn của tuyến đường ven biển; cải tạo, nâng cấp các tuyến giao thông nội tỉnh...

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi; đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa nước. Đã triển khai nâng cấp 21 hồ, đập (trong đó 16 hồ, đập theo dự án WB8), xây dựng hoàn thành Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, kênh tưới Thượng Sơn, kè hạ lưu sông Hà Thanh, sông Kôn, khởi công xây dựng hồ Đồng Mít,...; hoàn thiện và đưa vào sử dụng một số dự án ODA quan trọng như: Các tiểu dự án của Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung, Dự án Vệ sinh môi trường bền vững thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 1), các dự án tái thiết sau thiên tai; nâng cấp hệ thống đê khu Đông, một số kè chắn sóng ven biển...; thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng để ứng phó với tình hình nắng hạn trên địa bàn. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách kiên cố hoá kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2016 - 2020 (trong giai đoạn 2016 - 2020 đã thực hiện kiên cố bê tông hóa được 375,2 km kênh mương); nâng cấp, cải tạo một số công trình cấp nước sạch hiện có, đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung tại các vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn. Lưới điện nông thôn

tiếp tục được đầu tư nâng cấp; xây dựng hoàn thành dự án kéo lưới điện quốc gia đến xã đảo Nhơn Châu.

- Hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư. Một số công trình quan trọng đã hoàn thành và đưa vào sử dụng như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh - phần mở rộng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Trung tâm Y tế Hoài Nhơn, nâng cấp mở rộng một số hạng mục Bệnh viện Đa khoa tỉnh; mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung, mở rộng Quảng trường Nguyễn Tất Thành, xây dựng Nhà hát Nghệ thuật truyền thống, mở rộng, nâng cấp Quảng trường Chiến thắng, Quảng trường Quy Nhơn (thành phố Quy Nhơn)... Hệ thống mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được củng cố và mở rộng; thành lập mới Trường trung học phổ thông chuyên Chu Văn An đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh các huyện phía Bắc tỉnh.

1.5 - Phát triển vùng được quan tâm, tiềm năng và lợi thế của mỗi vùng được phát huy; diện mạo thành thị, nông thôn có nhiều khởi sắc

1.5.1 - Vùng đô thị:

- Đã xây dựng và tổ chức thực hiện Quy hoạch chung (điều chỉnh) xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và phát triển thị xã An Nhơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống đô thị; lập lại trật tự, kỷ cương trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, góp phần chỉnh trang đô thị, tạo diện mạo đô thị văn minh, từng bước hiện đại; tỷ lệ đô thị hóa đạt 43%, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (kế hoạch là 40%).

- Hạ tầng đô thị thị xã An Nhơn và các thị trấn, điểm dân cư nông thôn khác được đầu tư xây dựng, nâng cấp; thương mại, dịch vụ phát triển; văn hoá - xã hội có tiến bộ; huyện Hoài Nhơn đã được công nhận là thị xã. Có 3 xã đã được công nhận đô thị loại V: Xã Tây Giang (huyện Tây Sơn), xã Mỹ Chánh (huyện Phù Mỹ), xã Cát Tiến (huyện Phù Cát). Thành phố Quy Nhơn tiếp tục được đầu tư hoàn thiện các công trình hạ tầng, ngày càng phát huy tốt hơn vai trò là trung tâm thương mại - dịch vụ của tỉnh, của vùng.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch ước đạt 75% không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra là 80% (Quy Nhơn đạt 100%); tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý đạt 77%, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 80% (Quy Nhơn đạt 100%).

1.5.2 - Vùng đồng bằng, trung du:

- Bước đầu hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây lương thực, cây công nghiệp; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, gia trại.

- Một số cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các cơ sở dịch vụ, thương mại được xây dựng, khôi phục, phát triển, góp phần thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng vùng đồng bằng, trung du tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, 100% số thôn có điện lưới. 100% số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch là 99%). Đường phía Tây tỉnh được nâng cấp, mở

rộng thêm; hầu hết các tuyến đường giao thông liên xã, liên thôn được bê tông hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội các địa phương.

1.5.3 - Miền núi:

- Đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững ở 3 huyện miền núi; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, tập trung xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu như: Điện, đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt... Đến nay, 100% các xã miền núi đều có điện lưới quốc gia và đường bê tông đến trung tâm xã, kể cả các xã vùng sâu, vùng xa như xã Canh Liên (huyện Vân Canh); xã An Toàn (huyện An Lão); xã Bok Tới (huyện Hoài Ân).

- Các chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đất sản xuất, hỗ trợ làm nhà ở... tiếp tục được thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, giảm dần tỷ lệ hộ nghèo (tỷ lệ hộ nghèo 3 huyện miền núi giảm còn 43,1%

cuối năm 2019); 88% tuyến đường liên thôn, liên xã được bê tông hoá; 86% xã có công trình thủy lợi nhỏ; 100% xã có đủ trường, lớp học; 95% số thôn, bản có điện ở cụm dân cư; 100% số xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 100% xã đều có trường tiểu học; 100% thôn, làng có nhân viên y tế hoạt động; 100% số xã có đài truyền thanh, 100% số xã phủ sóng truyền hình; 74,79% số thôn, làng có nhà rộng.

1.5.4 - Vùng biển và ven biển:

- Đã xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển bền vững kinh tế biển, tạo khởi sắc trong phát triển kinh tế biển và vùng ven biển của tỉnh. Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các tuyến giao thông ven biển, điện lưới quốc gia, hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, kết cấu hạ tầng nghề cá và nuôi trồng thủy sản được đầu tư xây dựng khá đồng bộ. Hệ thống cảng biển tiếp tục được đầu tư, nâng cấp; sản lượng hàng hóa qua cảng vượt mức 10 triệu tấn thông quan.

- Hạ tầng thành phố Quy Nhơn và các thị trấn, điểm dân cư nông thôn của các huyện ven biển được đầu tư nâng cấp, mở rộng; hệ thống đô thị ven biển từng bước được hình thành. Một số dự án du lịch, dịch vụ ven biển được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, mang lại hiệu quả... Các công trình kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với quy hoạch, bố trí dân cư vùng ven biển đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tuyến biển. Tiềm năng kinh tế biển và vùng ven biển được khai thác hợp lý. Tiến hành khôi phục rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển để bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

1.6 - Môi trường đầu tư được cải thiện; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển

- Môi trường đầu tư được cải thiện. Việc cải cách các thủ tục hành chính, công khai, minh bạch các thông tin trên các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tiếp cận thông tin, tìm hiểu cơ hội đầu tư và đầu tư các dự án trên địa bàn.

- Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay có 4.300 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng vốn đăng ký 33.000 tỷ đồng; nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 7.500 doanh nghiệp, tăng 15% (tổng vốn đăng ký kinh doanh 78.750 tỷ đồng, vốn đăng ký bình quân 10,5 tỷ đồng/doanh nghiệp).

- Kinh tế hợp tác tiếp tục được đổi mới về mô hình tổ chức và quản lý; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng lên (toàn tỉnh hiện có 208 hợp tác xã, với tổng vốn hoạt động 2.933,6 tỷ đồng, doanh thu hàng năm ước đạt 537,8 tỷ đồng, lợi nhuận ước đạt 17,43 tỷ đồng, thu nhập bình quân của người lao động 3,41 triệu đồng/người/tháng).

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được chú trọng. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay có 30 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép đầu tư, với vốn đăng ký mới là 307,6 triệu USD. Nâng tổng số dự án có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh là 80 dự án, với số vốn đăng ký 709,3 triệu USD.

2. Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ tiếp tục phát triển; công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm

2.1 - Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới, chất lượng ngày càng được nâng cao

Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, tỉnh Bình Định đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi từ năm học 2015 - 2016). Chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học được nâng cao; hiện nay, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và năm học 2015 - 2016, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. Công tác phổ cập giáo dục bậc trung học tiếp tục được duy trì, giữ vững; toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1; có 9/11 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 (Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão) và 02/11 huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 (Vĩnh Thạnh, Vân Canh). Bước đầu triển khai thực hiện phổ cập trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện. Công tác giáo dục - đào

tạo ở miền núi, vùng sâu, vùng xa trong tỉnh được quan tâm. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên phát triển cả về chất và lượng. Công tác quản lý giáo dục được chú trọng.

- Quy mô giáo dục, mạng lưới trường, lớp học tiếp tục phát triển, tính đến 31/12/2019, toàn tỉnh có 378/637 trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia (đạt tỷ lệ 59,34%); đã thành lập mới 2 Trường trung học phổ thông: Trường Trung học phổ thông Ngô Lê Tân (huyện Phù Cát) và Trường chuyên Chu Văn An (huyện Hoài Nhơn) đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

- Chủ trương xã hội hóa giáo dục tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện; phong trào toàn dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo ngày càng sâu rộng. Hoạt động khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập tiếp tục được đẩy mạnh.

- Các cơ sở giáo dục - đào tạo trên địa bàn được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, hiệu quả; sáp nhập 11 Trung tâm Giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp và Trung tâm Giáo dục nghề

nghiệp thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; sáp nhập Trường phổ thông dân tộc nội trú An Lão và Trường Trung học phổ thông số 2 An Lão thành Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông An Lão; hợp nhất Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn và Trường Cao đẳng Bình Định thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

2.2 - Khoa học và công nghệ có bước phát triển; công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng được quan tâm

- Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động về Phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình hành động về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng nhất là ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hóa, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân..., thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hoạt

động khởi nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt một số kết quả bước đầu; năng suất các yếu tố tổng hợp đạt 35,82%, tăng 9,61% so với đầu nhiệm kỳ.

- Chính sách đào tạo và thu hút nhân lực có trình độ cao, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, xác lập quyền sở hữu công nghiệp... được quan tâm; kịp thời sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; tổ chức tôn vinh trí thức khoa học công nghệ tiêu biểu; hỗ trợ và tạo điều kiện cho Trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành tổ chức thành công 80 hội thảo khoa học và các lớp học chuyên đề quốc tế với sự tham gia của nhiều giáo sư đạt giải Nobel và các nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới; xây dựng Đề án “Phát triển Khu đô thị Khoa học Quy Hòa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”; thu hút được một số dự án công nghệ phần mềm, trí tuệ nhân tạo đầu tư trên địa bàn: Dự án TMA Bình Định IT Park, Dự án Tổ hợp giáo dục - AI của FPT tại Quy Nhơn,...

- Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng; thực hiện nhất quán chủ trương không thu hút, cấp phép các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, các điểm khai thác, chế biến khoáng sản, tổ chức thu gom, xử lý rác sinh hoạt - công nghiệp,.. theo tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XIX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý môi trường đạt 100%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết).

- Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai được quan tâm; triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu. Đã xây dựng các trạm cảnh báo lũ sớm trên sông Kôn và sông Hà Thanh; chủ động di dời, sắp xếp lại các điểm dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động bởi thiên tai; nâng cao nhận thức và khả năng chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho cộng

đồng; công tác quy hoạch đã chú trọng đến thoát lũ và chống ngập;...

3. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được đảm bảo

3.1 - Hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao có nhiều tiến bộ

- Công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, di tích cách mạng được quan tâm đầu tư. Nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam được UNESCO ghi danh - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Công tác bảo tồn, phát huy văn hóa các dân tộc thiểu số, các bộ môn nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền... được quan tâm. Đã tổ chức thành công Liên hoan văn hóa cồng chiêng các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Định lần thứ I, Liên hoan Quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ VII.

- Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” từng bước đi vào chiều sâu. Các lễ hội truyền thống được duy trì tổ chức; hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, chào mừng các sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh được tổ chức trang

trọng, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, quảng bá văn hóa, du lịch Bình Định.

- Công tác thông tin, truyền thông được chú trọng; thông tin đại chúng có bước phát triển. Công tác xuất bản, in, phát hành ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu xã hội. Công tác xã hội hoá các hoạt động văn hoá, thể dục - thể thao được mở rộng và đạt kết quả bước đầu. Đã chú trọng đầu tư phát triển các bộ môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh đi đôi với phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng.

3.2 - Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; dân số kế hoạch hóa gia đình; bảo vệ, chăm sóc bà mẹ, trẻ em được chú trọng, chất lượng được nâng lên.

- Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tiếp tục được triển khai thực hiện hiệu quả. Công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường được quan tâm. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân có nhiều tiến bộ; mức hưởng thụ các dịch vụ y tế của nhân dân ngày càng tăng, đặc biệt là trẻ em, người cao tuổi,

người nghèo, đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố, nâng cấp, mở rộng; đến cuối năm 2019, có 159/159 xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch trên 80% số xã); 100% trạm y tế xã có bác sỹ.

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật về y tế tiếp tục được quan tâm. Chất lượng khám chữa bệnh ngày càng nâng cao; thực hiện thành công nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu trong chẩn đoán và điều trị. Chuẩn bị tốt các điều kiện và triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn.

- Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế được tăng cường; công tác giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế được chú trọng.

- Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số đạt nhiều kết quả tích cực; tỷ suất sinh giảm còn 13,7‰ (bình quân hàng năm giảm 0,12‰), đạt chỉ tiêu Nghị quyết

đề ra (kế hoạch giảm từ 0,1% - 0,2%/năm); tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 8,5%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch dưới 10%). Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân tiếp tục được chú trọng; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch 80%).

3.3 - Các vấn đề xã hội được giải quyết kịp thời, hiệu quả

- Các chủ trương, chính sách hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai cho người dân được thực hiện kịp thời. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo đạt kết quả tích cực: Tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đến 2020 đạt 56% so với tổng lao động toàn xã hội, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch 56%); bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 30.000 lao động, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch từ 28.000 - 32.000 lao động hàng năm). Giai đoạn 2016 - 2020, đã đưa 2.697 lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó Nhật Bản 2.428 người, các thị trường khác 269 người.

- Đã triển khai Đề án sắp xếp lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bước đầu phát huy hiệu quả: Sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghệ Hoài Nhơn, Trường Trung cấp Thủ công mỹ nghệ Bình Định, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Định, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Bình Định vào Trường Cao đẳng Bình Định thành Trường Cao đẳng Bình Định và hợp nhất Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giới thiệu việc làm Thanh niên Bình Định, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ nông dân Bình Định và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bình Định thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định, trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Huy động được các nguồn lực xã hội cho công tác giảm nghèo; hoàn thành kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số có nhà ở đơn sơ; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh giảm còn 3,43%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1,9%/năm theo tiêu chí mới, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (kế hoạch từ 1,5 - 2%).

- Các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện tiếp tục được đẩy mạnh. Đời sống của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh ổn định và từng bước được cải thiện, trong đó có các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội.

4. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc; công tác đối ngoại được chú trọng

4.1 - Quốc phòng, an ninh được đảm bảo

- Đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân ngày càng được củng cố, tăng cường; kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối

tượng được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các đơn vị lực lượng vũ trang được nâng lên. Giao quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao; chất lượng huấn luyện, diễn tập, hội thi, hội thao có tiến bộ; hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã theo kế hoạch (đã tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh BĐ18 và diễn tập khu vực phòng thủ ở 11 huyện, thị xã, thành phố; diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 159 xã, phường, thị trấn).

- An ninh trật tự trên địa bàn được đảm bảo, các lực lượng chức năng đã phối hợp nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng khắp; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh kinh tế; an ninh nông thôn, an ninh tuyến

núi, tuyến biển... luôn được đảm bảo. Thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông; trật tự an toàn xã hội cơ bản được đảm bảo, tội phạm hình sự giảm hơn 35%, tai nạn giao thông giảm 3 tiêu chí; điều tra phá án đạt tỷ lệ 90%, trong đó, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%.

- Công tác quốc phòng, an ninh đã góp phần quan trọng giữ vững chủ quyền lãnh thổ, ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Lực lượng vũ trang tỉnh đã tham gia tích cực, có hiệu quả công tác phòng, chống và các hoạt động cứu trợ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

4.2 - Hoạt động đối ngoại được chú trọng

- Quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành trong nước tiếp tục phát triển, nhất là quan hệ hợp tác với tỉnh Bình Dương (đã tổ chức tổng kết các nội dung hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa hai tỉnh Bình Định và Bình Dương giai đoạn 2012 - 2016 và ký

kết thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2017 - 2021) và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (phối hợp tổ chức thành công Hội nghị Phát triển kinh tế miền Trung, kết hợp thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư tại tỉnh),...

- Đã tích cực, chủ động mở rộng các mối quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế và đạt được những kết quả quan trọng. Đến nay, Bình Định đã có quan hệ mua bán với hơn 156 quốc gia và vùng lãnh thổ; hợp tác thương mại và đầu tư với nhiều quốc gia được đẩy mạnh. Mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt giữa Bình Định và các tỉnh Nam Lào tiếp tục được thắt chặt; xây dựng mối quan hệ hợp tác với chính quyền một số địa phương của Nhật Bản, Hàn Quốc (Nhật Bản hiện là đối tác quan trọng và là quốc gia có nhiều dự án đầu tư nhất tại tỉnh với 18 dự án, tổng vốn đăng ký 92,36 triệu USD. Tỉnh đã thiết lập quan hệ hữu nghị với thành phố Izumisano, phủ Osaka, Nhật Bản; quan hệ hợp tác giữa thành phố Quy Nhơn và quận Yongsan, Seoul, Hàn Quốc ngày càng phát triển có chiều sâu). Triển khai việc xúc tiến

đầu tư tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Hoa Kỳ...; nhiều tập đoàn, doanh nghiệp, nhà đầu tư quốc tế đã đến khảo sát, triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (hiện trên địa bàn tỉnh có 80 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 709,3 triệu USD). Các hoạt động giao lưu văn hóa, hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... được đẩy mạnh. Công tác thông tin đối ngoại được chú trọng, góp phần quảng bá hình ảnh của tỉnh đến bạn bè trong và ngoài nước.

5. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, kiện toàn; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng lên

5.1 - Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được đặc biệt quan tâm

5.1.1 - Công tác xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị được chú trọng; công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được đổi mới, chất lượng, hiệu quả được nâng lên

- Công tác chính trị được chú trọng; các cấp ủy,

tổ chức đảng trong tỉnh thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên (tổ chức 4.788 lớp cho 685.766 lượt cán bộ, đảng viên tham gia học tập nghị quyết của Đảng; bình quân đạt tỷ lệ 97%).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới được duy trì tổ chức thường xuyên. Đã mở được 1.756 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho 170.804 lượt cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sỹ và quần chúng ưu tú; cử 814 cán bộ đi học cao cấp lý luận chính trị và mở 61 lớp trung cấp lý luận chính trị với 5.042 học viên; phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho 101 đồng chí là Tỉnh ủy viên và các đồng chí được quy hoạch vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Công tác nắm tình hình, định hướng tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên được quan tâm thực

hiện kịp thời. Công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được quan tâm triển khai thực hiện. Kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Công tác tuyên truyền đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được quan tâm chỉ đạo thực hiện và đạt kết quả tích cực.

5.1.2 - Ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng được đề cao

- Các cấp ủy, tổ chức đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm; về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong cán bộ, đảng viên của Đảng bộ.

- Ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ; thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong tỉnh được nâng lên.

- Đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt các cấp trong tỉnh luôn có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng; kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; có thái độ nhất quán bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tự học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.1.3 - Tổ chức bộ máy không ngừng được củng cố, kiện toàn; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên

- Cấp ủy các cấp đã tích cực triển khai thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; từng bước kiện

toàn, sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ, phù hợp với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm chính trị cấp huyện (11/11 huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện); trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc (cấp tỉnh và cấp huyện đều đã thực hiện); trưởng ban tổ chức cấp ủy đồng thời là trưởng phòng nội vụ cấp huyện (có 2/11 cấp ủy cấp huyện đã thực hiện); ủy ban kiểm tra cấp ủy với cơ quan thanh tra cấp huyện (có 1/11 cấp ủy cấp huyện đã thực hiện); bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện (có 9/11 cấp ủy cấp huyện đã thực hiện); bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện (có 1/11 cấp ủy cấp huyện đã thực hiện); bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã (có 78/159 cấp ủy cấp xã đã thực hiện); bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (có 23/159 cấp ủy cấp xã đã thực hiện); bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn (có 535/1116 thôn đã thực hiện); có 1.069/1.116 trưởng thôn là đảng viên.

- Các ban của tỉnh ủy đã thực hiện rà soát, sắp xếp, giảm 8 phòng; theo đó giảm 8 trưởng phòng, giảm 22 phó trưởng phòng, giảm 6 lái xe. Báo Bình Định có 8 phòng đã sắp xếp còn 5 phòng; theo đó giảm 3 trưởng phòng và 3 phó phòng. Trường chính trị có 7 phòng - khoa, đã sắp xếp còn 5 phòng khoa; theo đó giảm 2 cấp trưởng và 2 cấp phó.

- Thực hiện thí điểm hợp nhất chức danh và hợp nhất một số cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng. Chuyển giao 11 Chi bộ Kho bạc nhà nước thuộc 11 huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 123 đảng viên thuộc các huyện ủy, thị ủy, thành ủy về Đảng bộ cơ sở Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; chuyển giao 4 đảng bộ, 7 chi bộ Chi Cục Thuế thuộc 11 huyện ủy, thị ủy, thành ủy và 361 đảng viên thuộc các huyện ủy, thị ủy, thành ủy về Đảng bộ Cục Thuế tỉnh Bình Định trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh.

- Việc thành lập tổ chức Đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân được quan tâm, trong nhiệm

kỳ đã thành lập được 154 tổ chức đảng trong các đơn vị kinh tế tư nhân. Đến nay, Đảng bộ tỉnh có 833 tổ chức cơ sở đảng; trong đó có 308 đảng bộ cơ sở, 524 chi bộ cơ sở, 11 đảng bộ bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở và 3.224 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt đảng bộ, chi bộ và sinh hoạt cấp ủy; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng; gắn nội dung sinh hoạt chi bộ với việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Công tác quản lý đảng viên, kết nạp đảng viên mới được chú trọng thực hiện; tính đến 30/6/2020 toàn Đảng bộ đã kết nạp được 14.077 đảng viên mới (Nhiệm kỳ 2010-2015 đã kết nạp 12.568 đảng viên, tỷ lệ đảng viên mới được kết nạp là đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh chiếm trên 70%), nâng tổng số đảng viên của Đảng bộ lên 70.022 đồng chí, tăng bình quân hằng năm 4,88%, không đạt chỉ tiêu Nghị

quyết (kế hoạch 5%). Thực hiện rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng (Đã xóa tên 1.059 đảng viên trong danh sách đảng viên).

- Công tác đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đảng viên ngày càng đi vào thực chất:

Kết quả đánh giá, xếp loại đối với tổ chức cơ sở đảng: Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (trong sạch, vững mạnh) năm 2016 là 54,13%, năm 2017 là 50,91%, năm 2018 là 17,77%, năm 2019 là 23,93%, năm 2020 là 24,75%; tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2016 là 37,46%, năm 2017 là 40,43%, năm 2018 là 72,17%, năm 2019 là 71,88%, năm 2020 là 74,32%; tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 là 7,80%, năm 2017 là 7,60%, năm 2018 là 9,28%, năm 2019 là 5,18%, năm 2020 là 6,91%,...

- *Kết quả đánh giá, xếp loại đối với đảng viên:* Tỷ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2016 là 10,59%, năm 2017 là 10,40% năm 2018 là 11,41%, năm 2019 là 13,26%, năm 2020

là 15,10%; tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2016 là 78,66%, năm 2017 là 78,87%, năm 2018 là 79,89%, năm 2019 là 80,05%, năm 2020 là 80,16%; tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ năm 2016 là 10,27%, năm 2017 là 10,12%, năm 2018 là 8,28%, năm 2019 là 7,27%, năm 2020 là 7,29%.

5.1.4 - Công tác cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng

- Triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, quan điểm, quy định của Đảng về công tác cán bộ; đã có nhiều chủ trương, giải pháp thích hợp trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ; ban hành các quy định cụ thể hóa về công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trên địa bàn: Quy định khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quy định phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý...

- Thực hiện đồng bộ các nội dung trong công

tác cán bộ; thường xuyên rà soát, bổ sung, xây dựng quy hoạch cán bộ các cấp, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy trình, quy định. Đã phê duyệt quy hoạch trên 3.300 lượt cán bộ diện cấp ủy các cấp quản lý; trong đó, có 292 lượt cán bộ quy hoạch các chức danh của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020 và 2020 - 2025.

- Công tác điều động, luân chuyển cán bộ, bố trí, bổ nhiệm cán bộ đảm bảo nguyên tắc, tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: Đã điều động 56 đồng chí, luân chuyển 9 đồng chí diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và 20 đồng chí thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy huyện quản lý.

- Quan tâm chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp: Đã mở 1.243 lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho 227.609 cán bộ, công chức, viên chức...; cử đi học sau đại học 448 đồng chí; cử 946 cán bộ đi đào tạo cao cấp lý luận chính trị; mở 58 lớp trung cấp lý luận chính trị cho 4.873 học viên.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng; thực hiện thẩm tra, xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị chặt chẽ, đúng quy định: Đã thẩm định tiêu chuẩn chính trị đối với 396 trường hợp diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; thẩm tra, xác minh 16.660 trường hợp phục vụ công tác bố trí, sử dụng cán bộ và kết nạp đảng viên.

- Nhờ thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về công tác cán bộ; tỉnh đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức tốt, nêu cao ý thức trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; tích cực học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; ngày càng trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5.1.5 - Công tác nội chính; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh

- Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục được các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và đã đạt được những

kết quả quan trọng; công tác tuyên truyền, giáo dục được duy trì thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Công tác phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án tham nhũng được tiến hành khẩn trương, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí đối với 8 cấp ủy, tổ chức đảng; tiến hành kiểm tra, rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội và thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại 31 cơ quan, đơn vị, địa phương. Đã chỉ đạo tiến hành 246 cuộc thanh tra hành chính tại 477 cơ quan, đơn vị, qua thanh tra đã phát hiện 202 cơ quan, đơn vị có vi phạm, sai phạm. Cơ quan điều tra công an đã khởi tố, điều tra 13 vụ/23 đối tượng

phạm tội về tham nhũng và chức vụ. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp đã truy tố 13 vụ/20 bị can; Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý, xét xử 10 vụ/13 bị cáo phạm tội tham nhũng và 1 vụ/1 bị cáo phạm tội về chức vụ.

5.1.6 - Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được tăng cường

- Các cấp ủy đã ban hành chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm với những nội dung, đối tượng cụ thể; ban hành hệ thống mẫu văn bản nghiệp vụ về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra cấp ủy nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

- Cấp ủy các cấp đã chỉ đạo các ban của cấp ủy chủ động phối hợp với ủy ban kiểm tra xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ; cử cán bộ tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát của cấp ủy

và thực hiện một số cuộc kiểm tra, giám sát được cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy giao.

+ Các cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 3.693 tổ chức đảng và 99.513 đảng viên, trong đó có 18.097 cấp ủy viên các cấp.

+ Ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 53 tổ chức đảng và 208 đảng viên, trong đó có 132 cấp ủy viên; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với 2.691 tổ chức đảng; kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 663 tổ chức đảng; kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách đảng đối với 57 tổ chức đảng; kiểm tra việc thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí đối với 2.458 tổ chức đảng.

+ Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã giám sát theo chuyên đề 2.822 tổ chức đảng và 2.919 đảng viên, trong đó có 1.904 cấp ủy viên.

- Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và ban thường vụ cấp ủy cấp huyện trong tỉnh chỉ đạo, chủ trì hội nghị tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của Đảng bộ.

Đồng thời, tiến hành sơ kết, tổng kết các quy chế, quy định, kết luận về công tác kiểm tra, giám sát theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; trong nhiệm kỳ, các cấp ủy, tổ chức đảng đã thi hành kỷ luật 16 tổ chức đảng và 964 đảng viên (trong đó có 263 cấp ủy viên các cấp), góp phần ngăn chặn tiêu cực, từng bước làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên.

- Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng và giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên được cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện kịp thời, đúng quy trình, quy định: Ban Thường vụ cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 37 đảng viên; ủy ban kiểm tra các cấp giải quyết tố cáo đối với 4 tổ chức đảng và 104 đảng viên.

5.1.7 - Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng được đổi mới

- Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị -

xã hội trong tình hoạt động theo đúng cương lĩnh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của từng tổ chức; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng sát thực tế, sát cơ sở, hiệu lực, hiệu quả, chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm và theo kế hoạch, chương trình đã đề ra; đồng thời có sự điều chỉnh linh hoạt, xử lý kịp thời những việc mới phát sinh; xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp vừa đảm bảo phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, vừa phát huy vai trò, trách nhiệm, tính chủ động của từng cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Các cấp ủy trong tỉnh thực hiện tốt quy chế làm việc, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa đề cao trách nhiệm tập thể, vừa phát huy vai trò của từng thành viên trong cấp ủy. Hoạt động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trong tỉnh vừa bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trên các lĩnh vực công tác, vừa có trọng tâm, trọng điểm theo từng giai đoạn. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các

ng nghị quyết, chỉ thị của Đảng được quan tâm. Cải cách hành chính trong Đảng, việc ứng dụng công nghệ thông tin... đạt kết quả bước đầu.

5.2 - Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy; năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên

- Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục được đổi mới, chất lượng được nâng lên. Các kỳ họp hội đồng nhân dân được thực hiện đúng pháp luật, dân chủ, công khai; phát huy vai trò của đại biểu, trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Hiệu quả giám sát của hội đồng nhân dân các cấp ngày càng được phát huy. Công tác tiếp xúc cử tri của đại biểu hội đồng nhân dân được tăng cường.

- Bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố kiện toàn; đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; rà soát, sắp xếp các cơ quan hành chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; thực hiện hợp nhất, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn,

nâng cao hiệu quả hoạt động gắn với tinh giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

+ Trong nhiệm kỳ đã giảm 118 đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban ngành (kể cả đơn vị sự nghiệp trực thuộc các chi cục) và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyển 9 đơn vị sự nghiệp sang thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính, nhà nước không giao biên chế; chuyển 5 đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần.

+ Giảm 54 tổ chức (20 phòng chuyên môn thuộc sở, 3 chi cục trực thuộc sở; giảm 31 phòng thuộc Chi cục và tương đương); giảm lãnh đạo Ban, Chi cục 20 người (3 cấp trưởng, 17 cấp phó); giảm 47 Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc sở (14 Trưởng phòng, 33 Phó Trưởng phòng), giảm 52 Trưởng, Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở (31 Trưởng phòng, 21 Phó Trưởng phòng).

+ Giải thể 58 tổ chức phối hợp liên ngành (44 tổ chức do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, 14 tổ chức do lãnh đạo các đơn vị phụ trách); hợp

nhất, sáp nhập 22 tổ chức phối hợp liên ngành (19 tổ chức do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách, 3 tổ chức do lãnh đạo các đơn vị phụ trách) có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, thành phần tham gia tương đối giống nhau thành 8 tổ chức.

- Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh, bước đầu phát huy hiệu quả.

- Công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân của các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là ở cấp tỉnh, cấp huyện từng bước đi vào nền nếp, bảo đảm đúng pháp luật, nghiêm túc, có hiệu quả; việc giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân được thực hiện kịp thời, đúng quy định: Giai đoạn 2015-2020, các cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tiếp 29.146 lượt công dân (tiếp định kỳ và đột xuất 8.742 lượt người,

tiếp thường xuyên 20.404 lượt người); tiếp nhận, xử lý 18.698 vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (gồm 11.157 vụ khiếu nại, 1.212 vụ tố cáo và 6.329 vụ việc kiến nghị, phản ánh); xem xét, giải quyết 5.272 vụ việc (4.924 vụ khiếu nại và 348 vụ tố cáo), đạt tỷ lệ 90,02% số vụ việc thuộc thẩm quyền.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh thực hiện thường xuyên; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở gắn với công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước được triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, góp phần nâng cao nhận thức và tạo môi trường, điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ.

5.3 - Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân được phát huy; công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu quả được nâng lên

- Các cấp ủy đảng trong tỉnh đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận; đề cao vai trò

giám sát, phản biện, góp ý của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và nhân dân trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; triển khai thực hiện tốt cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát”, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

- Cấp ủy và chính quyền các cấp trong tỉnh đã tăng cường và đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dân vận của hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; tổ chức đối thoại trực tiếp với nhân dân về những vấn đề xã hội quan tâm.

- Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được chú trọng thực hiện gắn với các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, đơn vị; quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Hoạt động phản biện xã hội về các đề án phát triển kinh tế - xã hội, các dự thảo luật, văn bản quy

phạm pháp luật được quan tâm; công tác tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được tích cực triển khai với nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong tỉnh đã tăng cường đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động; tập trung củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức cơ sở, giảm dần tỷ lệ yếu kém. Tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao chất lượng các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhất là các phong trào thi đua “Dân vận khéo”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Thực hiện tốt vai trò “cầu nối” trong việc củng cố, xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân. Các hình thức tập hợp quần chúng được tổ chức đa dạng, mở rộng, theo nhu cầu lứa tuổi, ngành nghề, thu hút đông đảo quần chúng

tham gia, thực sự là chỗ dựa tin cậy của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân.

II - HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Kinh tế tăng trưởng khá, nhưng còn một số chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra⁽³⁾; Chưa khai thác và phát huy hết tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Việc thu hút đầu tư còn nhiều khó khăn, nhất là thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án lớn, mang tính động lực. Giá trị sản xuất công nghiệp và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng không đạt kế hoạch đề ra. Thu ngân sách nhà nước tăng khá, nhưng cơ cấu thu chưa bền vững. Phát triển chăn nuôi thiếu tính ổn định. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, khu dân cư

⁽³⁾ Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương GRDP (trong đó: Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng không đạt chỉ tiêu đề ra), chuyển dịch cơ cấu kinh tế, GRDP bình quân đầu người, tổng kim ngạch xuất khẩu, tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội, tăng năng suất lao động bình quân hàng năm.

chậm được xử lý, khắc phục. Công tác thanh tra, kiểm tra trên lĩnh vực đất đai, tài nguyên, khoáng sản chưa thường xuyên; phát hiện, xử lý một số sai phạm chưa kịp thời. Tình trạng phá rừng, khai thác, buôn bán lâm sản trái phép vẫn còn xảy ra.

Hoạt động thương mại, dịch vụ ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều bất cập. Các loại hình và sản phẩm du lịch phát triển chưa đa dạng; nguồn nhân lực phục vụ du lịch vừa thiếu, vừa yếu; công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch còn hạn chế.

2. Hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao có mặt còn hạn chế, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Việc đầu tư, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa còn chậm; công tác quản lý, khai thác các giá trị văn hóa - lịch sử gắn với phát triển du lịch còn hạn chế. Thể thao thành tích cao phát triển thiếu ổn định. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Đời sống một bộ phận dân cư nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó

khăn. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế. Cơ cấu lao động dịch chuyển chậm. Chất lượng đào tạo ở một số trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Việc thực hiện phổ cập trung học phổ thông trên địa bàn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

3. Chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, tiềm lực khu vực phòng thủ ở một số địa phương có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, công an cơ sở có nơi còn thiếu và yếu. Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa sâu rộng; tình trạng vi phạm pháp luật trong lứa tuổi thanh thiếu niên còn chiếm tỷ lệ cao. Tình trạng đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người còn xảy ra.

4. Chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận có mặt còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng còn yếu. Tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong một số cấp ủy

còn thấp; kết nạp đảng viên hàng năm không đạt chỉ tiêu đề ra (tính đến 31/12/2019, số đảng viên mới kết nạp hàng năm chiếm 4,88% tổng số đảng viên của Đảng bộ; không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội là 5%.) Chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn hạn chế. Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Cải cách hành chính có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, tại một số sở, ngành, địa phương còn hạn chế. Nội dung, phương thức hoạt động của một số hội, đoàn thể chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình hiện nay.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đạt được *những kết quả rất quan trọng*: Kinh tế tăng trưởng khá, quy mô kinh tế không ngừng mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công

nghiệp, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện và đạt mức tăng trưởng cao; du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; thu ngân sách vượt kế hoạch đề ra; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc; các hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông, chăm sóc sức khỏe nhân dân... có nhiều tiến bộ. An sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng được củng cố; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản đảm bảo. Công tác xây dựng hệ thống chính trị đạt được kết quả tích cực. Những thành tựu đạt được tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh và bền vững trong những năm tới.

So với các tỉnh khu vực miền Trung, Bình Định nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá: Quy mô nền kinh tế năm 2019 (tổng sản phẩm địa phương GRDP theo giá so sánh 2010) đạt 47.957 tỷ đồng, xếp thứ 8/14 tỉnh miền Trung; tính theo

giá hiện hành thì GRDP đạt 82.493 tỷ đồng, xếp thứ 7/14 tỉnh miền Trung; GRDP bình quân đầu người 55,4 triệu đồng, xếp thứ 7/14 tỉnh miền Trung; thu nội địa đến 31/12/2019 đạt 12.747 tỷ đồng, xếp thứ 7/14 tỉnh miền Trung. 6 tháng đầu năm 2020, tổng sản phẩm địa phương GRDP (tính theo giá so sánh 2010 đạt 22.605 tỷ đồng và tính theo giá hiện hành đạt 40.348 tỷ đồng), xếp thứ 6/14 tỉnh miền Trung; thu nội địa đạt 4.372 tỷ đồng, xếp thứ 7/14 tỉnh miền Trung.

Nguyên nhân của thành tựu:

Đạt được những thành tựu trên là nhờ có chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ; sự giúp đỡ, hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương và các tỉnh, thành bạn; những kết quả trong đầu tư phát triển từ các nhiệm kỳ trước; sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, dân và quân trong tỉnh; tinh thần đoàn kết thống nhất cao trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lãnh đạo các địa phương, đơn vị; sự ủng hộ của

các thế hệ cán bộ lãnh đạo tiền nhiệm và sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém:

* *Về khách quan:*

- Mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2010 - 2015 và tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được phân bổ thấp hơn dự kiến. Khi xây dựng mục tiêu tăng trưởng trong nhiệm kỳ có tính đến phần đóng góp của Tổ hợp Lọc hóa dầu Nhơn Hội; tuy nhiên, Dự án này sau đó đã thống nhất dừng triển khai nên có phần ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra (nhất là các chỉ tiêu về phát triển công nghiệp - xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế).

- Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn có quy mô vừa và nhỏ, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo đột phá phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn

chế, thu ngân sách còn thấp, trong khi hạ tầng kinh tế còn yếu kém, nhất là hạ tầng giao thông, các khu, cụm công nghiệp,...

- Những năm gần đây, thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu đã gây nhiều bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân. Đặc biệt các đợt lũ lụt lịch sử năm 2016 và cơn bão số 5 năm 2019 đã phá hủy nặng nề về hạ tầng giao thông, thủy lợi và cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh; dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của cả nước nói chung và Bình Định nói riêng (tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương năm 2020 giảm 2,48% so với kế hoạch đề ra), tác động tiêu cực đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong cả nhiệm kỳ.

** Về chủ quan*

- Công tác dự báo tình hình còn hạn chế, chưa sát thực tế. Số liệu thống kê kinh tế - xã hội trong thời gian qua có sự khác biệt giữa ngành thống kê địa phương và thống kê Trung ương (năm 2015,

2016), giữa số liệu thông báo ban đầu và số liệu đánh giá lại của Tổng cục Thống kê (năm 2017, 2018) đã ảnh hưởng đến việc nhận định, đánh giá tình hình và công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Năng lực tổ chức thực hiện và tinh thần trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu một số ngành, đơn vị, địa phương chưa cao; việc tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc còn chậm. Các giải pháp thực hiện và sự phối hợp giữa các sở, ngành với địa phương có nơi, có lúc thiếu đồng bộ, chưa kịp thời. Công tác chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa tập trung, thiếu kiên quyết; tinh thần trách nhiệm, trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế.

- Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; phân bố nhân lực giữa các ngành, vùng, địa phương chưa hợp lý.

IV - MỘT SỐ KINH NGHIỆM

1. Phải có sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư duy, nhận thức và quyết tâm chính trị cao trong

đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp trong thực hiện, vận dụng sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn và quá trình phát triển của địa phương.

2. Cần bám sát, nắm chắc, dự báo đúng diễn biến tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm trong giải quyết các vấn đề nảy sinh; tạo cơ chế thông thoáng, đồng bộ phục vụ yêu cầu phát triển, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

3. Cùng với huy động nguồn nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh phải chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương và thu hút các nguồn lực khác trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển kinh tế phải gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; chăm lo đời sống người nghèo, gia đình chính sách, đồng bào

dân tộc thiểu số; tạo nền tảng xã hội vững chắc để phát triển.

5. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cấp ủy đảng, chính quyền với nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ, có tâm huyết, trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương.

6. Tăng cường và giữ vững sự đoàn kết trong Đảng bộ, sự đồng thuận xã hội; không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện nhiệm vụ cũng như giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Trong 5 năm tới, tỉnh ta đứng trước những thuận lợi cơ bản, thời cơ lớn nhưng cũng đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn đang xen:

- *Về thuận lợi:* Có đường lối đúng đắn của Đảng, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự giúp đỡ, hỗ trợ của các bộ, ban, ngành Trung ương và những thành tựu, kinh nghiệm của tỉnh trong những năm qua; sự đoàn kết, nỗ lực quyết tâm của Đảng bộ, dân và quân trong tỉnh... là cơ hội, điều kiện và yếu tố quan trọng để tỉnh ta...

- *Về khó khăn, thách thức:* Những năm tới tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá

trên nhiều lĩnh vực, mang lại cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia - dân tộc. Tình hình Biển Đông tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường; các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta. Đối với tỉnh ta, tuy đạt được những thành tựu rất quan trọng trong những năm qua, song quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, nguồn lực còn hạn chế; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch Covid-19 được dự báo còn diễn biến phức tạp, khó lường... sẽ có nhiều tác động bất lợi trong quá trình phát triển của tỉnh.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, dân và quân trong tỉnh cần đoàn kết, phát huy lợi thế, nắm bắt thời cơ, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2020 - 2025.

A - PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

Nghị quyết đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát như sau: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Đảng bộ và hệ thống

chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy truyền thống, ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh và môi trường xã hội ổn định; đẩy nhanh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng đổi mới sáng tạo; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng tăng trưởng, phấn đấu xây dựng Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu của khu vực miền Trung⁽⁴⁾.

I - CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Nghị quyết đề ra 4 nhóm chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm địa phương bình quân hàng năm tăng 7,0 - 7,5%; trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 9,5 - 10,2%, dịch vụ tăng 7,1 - 7,5%, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,2 - 3,6%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10 - 10,5%;

- Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: công nghiệp - xây dựng 31,8%, dịch vụ 39,6%, nông, lâm

⁽⁴⁾ Phấn đấu trong 5 năm tới Bình Định nằm trong nhóm 5 tỉnh phát triển hàng đầu của khu vực miền Trung.

nghiệp, thủy sản 23,4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 5,2%; GRDP bình quân đầu người đạt trên 3.900 USD; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 16.000 tỷ đồng, phấn đấu cân đối ngân sách trên địa bàn;

- Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 6.000 triệu USD;

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 41%/GRDP.

2. Các chỉ tiêu xã hội

- Đến năm 2025: Tỷ lệ đô thị hóa đạt từ 45,3% trở lên; trên 85% số xã (92 xã) đạt tiêu chí nông thôn mới, 36 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, 7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (thêm Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn); tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 66%; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số trên 95%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động đạt 20,5%; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; duy trì 100% số xã, phường, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế; trên 70% số trường đạt chuẩn quốc gia.

- Giải quyết việc làm mới bình quân hàng năm khoảng 30.000 người; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5 - 2%/năm.

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh giảm dần về cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn dưới 8%.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

Đến năm 2025: Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 58%; duy trì 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 40% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 83% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 84%; duy trì 100% tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt chuẩn môi trường.

4. Các chỉ tiêu về xây dựng Đảng

- Kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm đạt trên 4% so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ.

- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước, chất lượng ngày càng cao hơn.

II - TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu nêu trên; trong những năm tới, bên cạnh việc triển khai quyết liệt các giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19 ngay trong năm đầu của nhiệm kỳ 2020 - 2025; việc phát triển kinh tế của tỉnh tập trung vào 5 trụ cột tăng trưởng và các khâu đột phá sau:

1. Trụ cột tăng trưởng

1.1 - Phát triển công nghiệp: Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp, tạo động lực phát triển nhanh nền kinh tế của tỉnh. Trong đó, tập trung nguồn lực, tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng và đưa Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Becamex Bình Định đi vào hoạt động; tích cực thu hút các nhà đầu tư, lấp đầy các khu công nghiệp hiện có và có kế hoạch phát triển các khu công nghiệp mới. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các dự án

công nghệ thông tin của các doanh nghiệp TMA, FPT... đang đầu tư trên địa bàn tỉnh; thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp (start up) đầu tư phát triển công nghiệp công nghệ thông tin (ITC), trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn với sản phẩm nông - lâm - thủy sản, hình thành các “cụm sản xuất nông - công nghiệp ở nông thôn”.

1.2 - Du lịch: Tiến hành đồng bộ từ quy hoạch địa điểm, quy hoạch sản phẩm đến đầu tư, quản lý hoạt động du lịch hướng đến phát triển bền vững. Xây dựng Bình Định thành điểm du lịch “3 tốt” và “3 không”⁽⁵⁾. Tích cực quảng bá du lịch trong nước và ngoài nước, lấy điểm nhấn là: “Quy Nhơn - thành phố du lịch sạch ASEAN”, “Quy Nhơn - điểm đến du lịch”; có chính sách ưu đãi để thu hút những doanh nghiệp lõi hành quốc tế.

1.3 - Dịch vụ cảng và logistics, bao gồm cảng

⁽⁵⁾ 3 Tốt: an ninh tốt, môi trường và quan hệ cộng đồng tốt;

3 Không: không “chật chém”, không giành giật khách, không người ăn xin.

biển và cảng hàng không: Tập trung khai thác hiệu quả cụm Cảng Quy Nhơn hiện có gắn với phát triển hệ thống cảng cạn (ICD) và hiện đại hóa dịch vụ cảng, tối đa hóa công suất; đồng thời, nghiên cứu xác định địa điểm và kêu gọi đầu tư xây dựng cảng mới có công suất lớn và đa năng. Khai thác tốt vận tải hàng không; xúc tiến việc quy hoạch xây dựng khu công nghiệp sản xuất gia công hàng điện tử - viễn thông gần sân bay nhằm tận dụng lợi thế vận tải hàng không của Cảng hàng không Phù Cát.

1.4 - Phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản dựa trên công nghệ cao, chuyển từ số lượng sang chất lượng: Thu hút các nhà đầu tư đầu tư xây dựng các trang trại trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao; có biện pháp nâng cao chất lượng rừng trồng; xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới gắn với nông hộ tham gia chuỗi sản xuất và tiêu thụ; hiện đại hóa nghề cá, nhất là nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ. Xây dựng và hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan và Đề Gi. Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

1.5 - Phát triển kinh tế đô thị gắn với quá trình đô thị hóa: Tiếp tục phát triển khu đô thị mới Nhơn Hội và các đô thị trên địa bàn theo quy hoạch; quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với các khu công nghiệp và việc mở rộng giao thông (như Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Becamex Bình Định, đường ven biển, đường nối sân bay Phù Cát - Nhơn Hội...). Quy hoạch đường sắt nội đô nối Cát Tiến với Trung tâm Quy Nhơn.

2. Các khâu đột phá tạo động lực

Trong 5 năm tới cần tập trung vào 3 khâu đột phá:

- *Thứ nhất*, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào Bình Định.

- *Thứ hai*, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo định hướng phát triển của tỉnh, nhất là nhân lực công nghệ thông tin, kỹ thuật công nghệ, du lịch, công nghiệp công nghệ cao; thực

hiện chính sách thu hút lao động chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

- *Thứ ba*, tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông cho vùng phía Bắc tỉnh nhằm thúc đẩy cực tăng trưởng phía Bắc tỉnh.

B - NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I - PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH, BỀN VỮNG

1. Phát triển công nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng, đưa vào hoạt động các khu, cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch, nhất là dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Becamex Bình Định. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng và nâng cao hiệu quả

hoạt động các khu, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo với hàm lượng khoa học công nghệ cao, tăng tỷ lệ nội địa hóa; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ... Tiếp tục phát triển các ngành hàng, sản phẩm có lợi thế của tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác khuyến công.

- Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, chủ động nguồn nguyên liệu, đào tạo và sử dụng nhân lực,... mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu cho ngân sách, suất đầu tư trên một đơn vị diện tích lớn; không thu hút các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, công nghệ lạc hậu.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển toàn diện sản xuất nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, nông nghiệp hữu cơ, đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp; tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng; xây dựng, nhân rộng mô hình cánh đồng lớn, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh phù hợp với lợi thế địa phương và nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, tuyển chọn và sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao. Đẩy mạnh triển khai chương trình cơ giới hóa, từng bước triển khai tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng công nghệ sau thu hoạch. Huy động các nguồn vốn đầu tư và kêu gọi đầu tư phát

triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP).

- Phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thực hiện cơ cấu lại ngành thủy sản theo hướng phát triển khai thác xa bờ, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển và ven biển; tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá; chú trọng phát triển chế biến thủy sản. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng gỗ lớn.

- Tiếp tục tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến cuối năm 2025, có trên 85% tổng số xã trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, 36 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và có thêm 3 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Phát triển và nâng cao hiệu quả các hoạt động thương mại, dịch vụ; đẩy mạnh xuất khẩu; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

- Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích xuất khẩu; nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; tăng cường công tác xây dựng và bảo hộ thương hiệu. Phát triển mạnh hệ thống bán buôn, bán lẻ trong tỉnh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn. Tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm soát chặt chẽ, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ. Phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ: tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, tư vấn, bảo hiểm... Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ có lợi

thế của tỉnh như cảng biển, hàng không, đường sắt; tạo điều kiện đầu tư nâng cấp các cảng biển, phát triển dịch vụ logistics, dịch vụ kho bãi... Bảo đảm tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GRDP.

- Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển du lịch trên cơ sở phát huy lợi thế về cảnh quan, môi trường, văn hóa, di tích, lịch sử và con người trong xây dựng thương hiệu du lịch Bình Định. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá và kết nối du lịch với các địa phương trong và ngoài nước; đôn đốc, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án du lịch, nhất là các khu vui chơi - giải trí quy mô lớn, hiện đại, đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ du lịch... Trong đó, chú trọng hoàn thiện hạ tầng du lịch tại thành phố Quy Nhơn; các tuyến du lịch trọng điểm: Quy Nhơn - Sông Cầu, Phương Mai - Núi Bà, Quy Nhơn - An Nhơn - Tây Sơn - Vĩnh Thạnh, phát triển du lịch cộng đồng và các điểm du lịch tại các huyện, thị xã trong tỉnh...

Phấn đấu đến năm 2025 thu hút 8 triệu lượt khách du lịch.

- Chú trọng bồi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững; khai thác, huy động đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật các nguồn thu vào ngân sách nhà nước; chống thất thu, nợ đọng thuế... Phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với phát triển các khu vực trong tỉnh

4.1 - Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

- Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Coi trọng xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng dịch vụ - du lịch, văn hóa - xã hội, công nghệ thông tin.

- Tập trung nguồn lực đầu tư một số công trình trọng điểm: Cầu Thị Nại 2; tuyến đường ven biển;

đường 19C nối dài; đường phía Tây đầm Thị Nại; nâng cấp, mở rộng các tuyến tỉnh lộ trên địa bàn; nâng cấp, mở rộng cụm cảng Quy Nhơn; đập dâng Phú Phong, đập dâng sông Hà Thanh; nâng cấp, mở rộng cảng cá Tam Quan và 3 khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu thuyền;...

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; giải quyết tốt vấn đề sinh kế cho người dân trong các vùng dự án; quan tâm đầu tư hạ tầng thiết yếu cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, hải đảo... quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối, thúc đẩy phát triển nhanh các huyện, thị xã phía Bắc tỉnh.

- Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, nhất là hệ thống giao thông kết nối giữa các vùng, các địa phương trong tỉnh; tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn gắn với chương trình nông thôn mới.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, đê kè, hệ thống tiêu thoát lũ, kênh mương nội đồng, các dự án cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình mới phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển.

4.2 - Tăng cường liên kết, phát triển các khu vực trong tỉnh

Hoàn thành công tác quy hoạch tỉnh Bình Định theo quy định; triển khai thực hiện có hiệu quả đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó, vừa tăng cường sự liên kết giữa các vùng, các địa phương; vừa chú trọng phát huy lợi thế của các khu vực và các địa phương trong tỉnh.

4.2.1 - Đối với khu vực đô thị

- Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch chung (điều chỉnh) xây dựng thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; tiếp tục đầu tư phát

triển các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn theo hướng đạt chuẩn đô thị loại 3; Tây Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV và phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch. Chú trọng tính thẩm mỹ, tính dân tộc, tính hiện đại, đảm bảo môi trường trong quy hoạch và phát triển đô thị.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kiến trúc, nâng cao chất lượng và phát triển bền vững đô thị; phát triển Khu kinh tế Nhơn Hội theo quy hoạch (điều chỉnh) thành khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực với trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, đô thị, công nghiệp, cảng biển, năng lượng tái tạo và thủy sản. Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ đô thị hóa đạt 45,3% trở lên.

- Tập trung đầu tư hệ thống cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, chất thải rắn tại các đô thị, đảm bảo tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đến năm 2025 đạt 83%; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt 84%. Tiếp tục đầu tư các dự án nhà ở, nhà ở xã hội theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, nhà ở xã hội đã được phê duyệt.

4.2.2 - Đối với khu vực đồng bằng, trung du

- Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp. Khôi phục và phát triển các ngành nghề ở nông thôn.

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ gắn với sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản, nhất là công nghiệp chế biến, dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm, du lịch cộng đồng.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn; giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp trong cơ cấu lao động xã hội, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch.

4.2.3 - Đối với khu vực miền núi

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới ở 3 huyện miền núi.

- Hoàn thành cơ bản việc đầu tư kết cấu hạ tầng miền núi: giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, nhất là đối với các làng cách xa trung tâm.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chú trọng chăm lo đời sống đồng bào và công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuyến núi;...

4.2.4 - Đối với khu vực biển và ven biển

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển bền vững kinh tế biển, xác định phát triển kinh tế biển là một trong những đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Tập trung đầu tư, phát triển du lịch biển đảo gắn với du lịch văn hóa, lịch sử. Nâng cao hiệu

quả khai thác các cảng biển và dịch vụ vận tải biển của tỉnh. Khuyến khích các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản công nghệ cao, bền vững. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có lợi thế và phát triển các ngành kinh tế biển mới.

- Tập trung đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi, hệ thống đê sông, đê biển, hạ tầng nuôi trồng thủy sản; khôi phục, phát triển rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển. Khuyến khích phát triển các khu đô thị ven biển. Tiếp tục đầu tư, xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội xã đảo Nhơn Châu.

5. Cải thiện môi trường đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

- Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường... Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải

cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình, tạo điều kiện để các doanh nghiệp sau cổ phần hóa hoạt động hiệu quả. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công. Cơ cấu lại, phát triển các hợp tác xã kiểu mới, các tổ hợp tác theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ cho các thành viên. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân; chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài; khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp thích ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

II - TIẾP TỤC ĐỔI MỚI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng dạy và học. củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tăng cường giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống và giáo dục thể chất cho học sinh.

- rà soát, sắp xếp, quy hoạch các cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao năng lực quản trị nhà trường gắn với thực hiện tự chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục; giải quyết căn cơ tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên

quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, khuyến khích phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập, thực hiện bình đẳng trong giáo dục - đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài; thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống trường lớp, trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa. Tăng cường phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện phát triển các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

2. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành chức năng trong phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao

đáp ứng nhu cầu phát triển, xem đây là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm kỳ tới.

- Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng đội ngũ trí thức, cán bộ khoa học công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học; chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý...

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ, tạo môi trường, điều kiện hoạt động để trí thức nghiên cứu, sáng tạo, cống hiến. Quan tâm công tác định hướng tư tưởng, chính trị, giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là nâng cao trách nhiệm và khát vọng cống hiến của đội ngũ trí thức. Đổi mới, đa dạng hóa phương thức vận động, kết nối, tập hợp và tổ chức, động viên đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ, trí thức trong các thành phần kinh tế trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Đổi mới công tác đào tạo nghề theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chú

trọng đào tạo công nhân lành nghề bậc cao cho các khu công nghiệp, lao động có tay nghề cao cho các ngành dịch vụ và lao động xuất khẩu; quan tâm đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá dạy nghề, đa dạng hoá các hình thức đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề theo nhu cầu. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp trong đào tạo nghề.

III - PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phát triển khoa học - công nghệ tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững

- Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển khoa học và công nghệ thích ứng với cuộc Cách

mạng công nghiệp lần thứ tư, phù hợp với điều kiện và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Trong đó, tập trung đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng, nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại trong các ngành, lĩnh vực; phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp, khuyến khích và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp bằng đổi mới sáng tạo. Nâng năng suất yếu tố tổng hợp lên 38% - 42%.

- Xây dựng cơ chế phù hợp gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ với nhu cầu của doanh nghiệp và nền kinh tế; phát huy vai trò của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) trong đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và tăng cường kết nối thông tin khoa học - công nghệ. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; tiếp tục xây dựng Bình Định trở thành điểm đến của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các dự án tại Khu Đô thị Khoa học Quy Hòa và các dự án trí tuệ nhân tạo tại Khu đô thị mới Long Vân đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả, góp phần tăng nhanh tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh, nhất

là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big data)...

- Tiếp tục phát triển thị trường khoa học công nghệ, hỗ trợ thương mại hóa các sản phẩm sáng tạo, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ, thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm...

2. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu

- Chú trọng công tác bảo vệ môi trường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức, trách nhiệm của tổ chức và công dân trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, tiết kiệm, đảm bảo cân bằng sinh thái và an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt công tác lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu,

cụm, điểm công nghiệp, làng nghề, rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt,... Kiểm soát và ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm từ sản xuất nông nghiệp, trong khu dân cư.

- Nâng cao nhận thức và khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng. Lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường năng lực quan trắc, dự báo thiên tai và biến đổi khí hậu để có kế hoạch ứng phó kịp thời, hiệu quả.

IV - PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI; KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN

1. Phát triển văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao

- Tiếp tục đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống,

tập quán tốt đẹp của mỗi địa phương. Tập trung giáo dục lòng yêu nước, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, ý thức trách nhiệm xã hội; ý chí, khát vọng vươn lên của mỗi người dân, nhất là thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở.

- Đầu tư nâng cấp, tôn tạo, bảo vệ các di tích văn hóa, lịch sử, di tích cách mạng và các danh lam thắng cảnh trên địa bàn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; duy trì và nâng cao chất lượng các lễ hội truyền thống, lễ hội văn hóa - thể thao. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và miền xuôi. Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; thực thi quyền tác giả; tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo và cống hiến.

- Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng; ưu tiên phát triển một số bộ môn thể thao thành tích cao có thế mạnh của tỉnh kết hợp xây

dựng hệ thống các sân, bãi tập, trung tâm huấn luyện và nhà thi đấu đa năng phục vụ tập luyện, thi đấu.

- Triển khai kế hoạch thực hiện quy hoạch báo chí, phát thanh, truyền hình trên địa bàn. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại hóa, số hóa; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, truyền thông, nhất là thông tin trên internet để định hướng tư tưởng, dư luận xã hội.

2. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt công tác phòng, chống các loại dịch bệnh. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và trang thiết bị ngành y tế; có kế hoạch thành lập

thêm bệnh viện chuyên khoa đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới y tế cơ sở; phấn đấu số giường bệnh/vạn dân đạt 43,6 giường, số bác sỹ/vạn dân đạt 9 bác sỹ; đẩy mạnh thực hiện bảo hiểm y tế tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế, chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động y tế.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về y tế - dân số; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; chuyển hướng chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số; giảm mất cân bằng tỷ lệ giới tính khi sinh.

3. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

- Tăng cường quản lý phát triển xã hội, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Gắn chính sách

phát triển kinh tế với chính sách xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động. Nâng cao chất lượng của lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với đặc điểm tình hình của tỉnh. Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo bình quân của cả nước.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ, cứu trợ xã hội. Khuyến khích các hoạt động nhân đạo, từ thiện, xã hội hóa công tác bảo trợ, cứu trợ xã hội; hỗ trợ hoạt động các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn.

- Thực hiện tốt các chính sách về bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ và bảo vệ quyền trẻ em.

V - TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; gắn quy hoạch, phát triển kinh tế - xã hội với đầu tư, xây dựng các công trình phòng thủ.

- Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao; tham gia

xử trí có hiệu quả các tình huống quốc phòng - an ninh; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và tìm kiếm cứu nạn; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và các chính sách hậu phương quân đội.

2. Đảm bảo an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh cả bên trong và bên ngoài.

- Chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức, tội phạm có yếu tố nước ngoài; hạn chế thấp nhất tội phạm ở lứa tuổi thanh thiếu niên; thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm chế tai nạn giao thông.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn, không để xảy ra bị động, bất ngờ; tăng cường công tác hoà giải, giải quyết

các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân; xây dựng xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp an ninh, an toàn.

VI - TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

- Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là mối quan hệ hợp tác với tỉnh Bình Dương và các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

- Quán triệt và thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống của tỉnh, nhất là mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa Bình Định với các tỉnh Nam Lào; tăng cường xúc tiến, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác ở các quốc gia và vùng lãnh thổ, nhất là các nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, New Zealand...

- Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; tăng cường phối hợp giữa các kênh, cơ quan đối ngoại của tỉnh; chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

VII - XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ

1.1 - Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng và xây dựng Đảng về đạo đức

- Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đường lối đổi mới của Đảng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong nhân dân. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chống “diễn biến hòa bình”, những thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội.

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kịp thời thông tin đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà

nước, tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và văn học, nghệ thuật trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nâng cao nhận thức, trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên. Xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng của tổ chức đảng, đảng viên. Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp. Quy định trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức.

1.2 - Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp tổ

chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiện toàn tổ chức đảng đồng bộ, phù hợp với tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, quan tâm xây dựng tổ chức đảng trong các đơn vị ngoài nhà nước, nâng cao vai trò hạt nhân chính trị của tổ chức đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng ở mỗi cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đảng bộ, chi bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức trong sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt phù hợp với từng loại hình chi bộ. Thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc công tác quản lý đảng viên; tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của mỗi đảng viên. Nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên, chú trọng phát triển đảng viên là đoàn viên thanh niên, học sinh, sinh viên, ở nông thôn, đơn vị kinh tế tư nhân. Thực hiện việc rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ về số lượng và bảo đảm về tiêu chuẩn, chất lượng; bố trí, sử dụng hợp lý và có cơ cấu hài hòa về độ tuổi, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ trí thức, cán bộ quản trị doanh nghiệp nhằm phát huy năng lực, sở trường của đội ngũ cán bộ; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ; bảo đảm công khai, dân chủ, công bằng và minh bạch trong công tác cán bộ. Chú trọng nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế, chế độ chính sách đối với cán bộ. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng chính trị hiện nay. Tập trung rà soát, thẩm tra tiêu chuẩn chính trị của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

1.3 - Tăng cường công tác nội chính; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động, nhất là nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong phòng, chống tham

những, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường giám sát, kiểm soát quyền lực; thực hiện nghiêm các quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cơ quan, đơn vị theo quy định; kịp thời phát hiện, xử lý kiên quyết, nghiêm minh, công khai, đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị làm công tác phòng, chống tham nhũng. Đẩy mạnh công tác cải cách tư pháp; đổi mới và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

1.4 - Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Quán triệt kịp thời, đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong tình hình mới.

- Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện

Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, dấu hiệu tham nhũng, lãng phí, “lợi ích nhóm”, nhất là các lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm, được dư luận quan tâm. Gắn kiểm tra, giám sát tổ chức đảng với kiểm tra, giám sát người đứng đầu các cấp trong thực hiện Quy chế làm việc; thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; trách nhiệm nêu gương và thực hiện các quy định về những điều cán bộ, đảng viên không được làm. Xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai kết quả xử lý các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm để giáo dục, phòng ngừa và giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

- Chủ động, thường xuyên kiểm tra, giám sát đảng viên trong chi bộ; kiểm tra, giám sát chuyên đề đối với đảng viên là cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên, việc chấp hành chế độ sinh hoạt và thực hiện nghị quyết của chi bộ.

- Kiện toàn ủy ban kiểm tra các cấp, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có năng lực, bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và chức năng nhiệm vụ được giao. Sơ kết, tổng kết

kip thời công tác kiểm tra, giám sát gắn với đánh giá việc thực hiện các quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể và Nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng với công tác giám sát của các cơ quan dân cử, công tác thanh tra, kiểm toán của Nhà nước và hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

1.5 - Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Đổi mới phong cách, tác phong công tác, cải cách hành chính, thực hiện giảm hội họp, dành

thời gian đi cơ sở, tổng kết thực tiễn, gặp gỡ, tiếp xúc, lắng nghe, đối thoại với nhân dân. Xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu của Đảng bộ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trong Đảng.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính

- Nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh. Tập trung hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành tỉnh và phòng, ban cấp huyện. Thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông về nghiệp vụ, năng động, sáng tạo. Hoàn thiện danh mục và bản mô tả vị trí việc làm trong

các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế và cải cách chính sách tiền lương.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Nâng cao chất lượng công tác dân vận; xác định nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hiệu quả để tiếp tục đổi mới công tác dân vận của hệ thống chính trị. Thực hiện tốt công tác dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội; xây dựng tổ chức cơ sở vững mạnh; nâng cao hiệu quả công tác đoàn kết, tập hợp quần chúng, phát triển đoàn viên, hội viên, nhất là ở địa bàn dân cư. Đẩy mạnh xã hội hóa, phát triển các mô hình tự quản ở cộng đồng dân cư, huy động các nguồn lực trong nhân dân tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội và đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; tích cực tuyên truyền, cổ vũ, động viên các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

BẢNG SỐ LIỆU CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị	Nhiệm kỳ 2015 - 2020			Kế hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025
			NQĐH XIX	Kết quả	Đánh giá	
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm địa phương (GRDP)	%	8	6,4	Không đạt	7 - 7,5
	Trong đó:					
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	3,5	4,04	Vượt	3,2 - 3,6
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	12,5	9,13	Không đạt	9,5 - 10,2
	+ Dịch vụ	%	6,5	6,16	Không đạt	7,1 - 7,5
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10	7,96	Không đạt	10 - 10,5
2	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế				Không đạt	
	+ Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	Giảm 6,7	Giảm 3,9	Không đạt	23,4
	+ Công nghiệp - xây dựng	%	Tăng 6,6	Tăng 3,7	Không đạt	31,8
	+ Dịch vụ	%	Tăng 0,8	Giảm 0,1	Không đạt	39,6
	+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	Giảm 0,7	Tăng 0,3	Không đạt	5,2
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.200 - 3500	2.524	Không đạt	Trên 3.900
4	Thu ngân sách	Tỷ đồng	11.000	11.985,9	Vượt	Trên 16.000
5	Kim ngạch xuất khẩu 5 năm	Triệu USD	4.500	4.146,2	Không đạt	Trên 6.000

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị	Nhiệm kỳ 2015 - 2020			Kế hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025
			NQĐH XIX	Kết quả	Đánh giá	
6	Tỷ lệ huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm so với GRDP	%	47	42	Không đạt	41
7	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	61	85	Vượt	92
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng nghề	%	56	56	Đạt	66
9	Giải quyết việc làm bình quân hàng năm	Lao động	28.000-32.000	30.000	Đạt	30.000
10	Năng suất lao động xã hội tăng bình quân hàng năm	%	6,06	6,5	Vượt	
11	Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ	%	100	100	Đạt	Duy trì 100
12	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	Trên 80	100	Đạt	Duy trì 100
13	Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm theo tiêu chí mới	%	Giảm 1.5-2%/năm	Giảm 1,9%	Đạt	Giảm 1.5-2%/năm
14	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế so với dân số	%	80	92	Vượt	95
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Trên 52	56	Đạt	58
16	Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	99	100	Vượt	Duy trì 100%, (trong đó 40% được sử dụng nước sạch)
17	Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch	%	80 (Quy Nhơn 98)	75 (Quy Nhơn 99,1)	Không đạt	83
18	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý	%	80 (Quy Nhơn 98)	77 (Quy Nhơn 100)	Không đạt	84
19	Tỷ lệ chất thải công nghiệp, chất thải y tế được thu gom xử lý đạt chuẩn	%	100	100	Đạt	Duy trì 100

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị	Nhiệm kỳ 2015 - 2020			Kế hoạch nhiệm kỳ 2020 - 2025
			NQĐH XIX	Kết quả	Đánh giá	
20	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh hằng năm	%	50	Năm 2016 là 54,13%, năm 2017 là 50,91%, năm 2018 là 17,77%, năm 2019 là 23,93%	Đạt	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm sau cao hơn năm trước, chất lượng ngày càng cao hơn
21	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm	%	5%	4,88 (31/12/2019)	Không đạt	Trên 4%

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu	3
Khái quát về Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XX	5

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIX ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2015 - 2020

I - Kết quả đạt được	11
II - Hạn chế, yếu kém	76
III - Đánh giá chung	79
IV - Một số kinh nghiệm	84

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2020 - 2025

A - PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU	88
I - Các chỉ tiêu chủ yếu	89
II - Trụ cột tăng trưởng và các khâu đột phá	92
B - NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	96

I - Phát triển kinh tế nhanh, bền vững	96
II - Tiếp tục đổi mới giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	110
III - Phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu	113
IV - Phát triển văn hóa, xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân	116
V - Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội	121
VI - Tăng cường quan hệ đối ngoại	123
VII - Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh	124
Bảng số liệu các chỉ tiêu chủ yếu	134

Chịu trách nhiệm xuất bản

HUỲNH THANH XUÂN

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Chịu trách nhiệm nội dung

HỒ XUÂN ÁNH

Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực
Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biên tập

PHẠM ĐÌNH ĐÔN

LÊ TUẤN THIỆU

Trình bày bìa, sửa bản in

NGUYỄN TRIỀU TIÊN

NGUYỄN THỊ THANH THẢO

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Công ty TNHH MTV In Nhân dân Bình Định 339 - 341 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn. Điện thoại số 0256.3822810. Giấy phép xuất bản số.... do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định cấp ngày..... In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2021.